

Bản án số: 117/2019/ HS-ST
Ngày 06-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Minh và ông Nguyễn Văn Gia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2019/TLST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn N**, sinh ngày: 09/4/1992 tại huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn L, sinh năm: 1972 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972. Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Tại bản án số 94/HSST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 14 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

- Tại bản án số 31/2016/HSST ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 26/01/2013, Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Chị Đỗ Thị P- Sinh năm: 1972;
Nơi cư trú: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Tạ Văn T - Sinh năm: 1962;
Nơi cư trú: Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
2. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1952;
Nơi cư trú: Thôn H1, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Ngô Văn N là đối tượng nghiện chất ma túy và đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ ngày 15/5/2019, bị cáo N đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết từ nhà đến thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang rồi bắt xe khách đi đến huyện P, tỉnh Thái Nguyên với mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, khi đi N có mang theo một tuốc nơ vít cán bằng nhựa, đầu vặn bằng kim loại để làm công cụ trộm cắp tài sản. Khi xuống xe ở khu vực phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, N đi dọc theo quốc lộ 37 khoảng 50 mét theo hướng lên thị trấn H, huyện P thì dừng lại vào quán nước của ông Tạ Văn T, trú tại Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ngồi uống nước N phát hiện thấy đối diện quán uống nước có một cửa hàng bán quần áo trước cửa có dựng 1 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu tím BKS 98H1-030.65 không có ai trông coi (Chiếc xe trên là của chị Đỗ Thị P, trú tại xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xe đăng ký mang tên Nguyễn Văn L, trú tại xã H, huyện T, Bắc Giang bán cho ông Nguyễn Văn T, sau đó ông T bán lại cho chị P). Bị cáo N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên nên sau khi trả tiền nước N đi sang bên đường lại gần chỗ chiếc xe mô tô của chị P dùng tuốc nơ vít mang theo phá khóa điện rồi ngồi lên xe đạp nổ máy và đi về nhà tháo biển số xe ra khỏi xe. Đến sáng ngày 16/5/2019, N gọi điện cho một người tên là T (theo N khai thì nhà ở khu vực xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang) và nói có xe muốn bán, T đồng ý và cả hai hẹn nhau mua bán xe tại khu vực nghĩa trang xã Q, tại đây N đã bán xe cho T được số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này sau đó N tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất xe, cùng ngày chị P đã trình báo sự việc đến Công an xã K, huyện P. Vụ việc được chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/6/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình ra bản yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe mô tô do chị P trình báo mất trộm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 30 ngày 03/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 98H1- 030.65 do bị cáo Ngô Văn N trộm cắp của chị P có giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Vật chứng của vụ án là 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 98H1- 030.65 cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng hiện nay chưa thu hồi lại được, chị P yêu cầu bị cáo Ngô Văn N phải bồi thường 10.000.000 đồng theo giá trị định giá tài sản của xe. Đối với chiếc biển số xe mô tô của chị P và chiếc tô vít dùng để phá khóa xe N khai đã vứt đi và không nhớ địa điểm nơi vứt nên không thu hồi được.

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 118/CT-VKSPB, ngày 30-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Ngô Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Ngô Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, vì bị cáo đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản là chị Đỗ Thị Pchiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 98H1-030.65 có giá trị là 10.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Ngô Văn N từ 30-36 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 48 của BLHS; các Điều 584, 586, 589 của BLDS, buộc bị cáo Ngô Văn N có trách nhiệm bồi thường cho chị Đỗ Thị P số tiền là 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại chị Đỗ Thị P có ý kiến về hình phạt đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại chị P yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị

giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt theo kết luận định giá của cơ quan có thẩm quyền là 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, **vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:**

Bị cáo Ngô Văn N là đối tượng sử dụng chất ma túy, do cần tiền tiêu sài cá nhân và sử dụng ma túy nên bị cáo N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền. Thực hiện ý định trên, nên ngày 15/5/2019 bị cáo đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 98H1-030.65 thuộc quyền sở hữu của chị Đỗ Thị P có giá trị là 10.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô nêu trên bị cáo đã bán cho một người đàn ông tên T (Không rõ địa chỉ cụ thể) lấy số tiền 3.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Xét thấy, bị cáo Ngô Văn N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Xét hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô có giá trị là 10.000.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 173 BLHS. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Về nhân thân, thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, bản thân đã bị xử phạt tù và xử phạt hành chính nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân rất xấu và coi thường pháp luật. Vì vậy, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt, nhưng căn cứ nhân thân cũng như tính chất, mức độ vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS thì người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định và sống phụ thuộc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 98H1-030.65 thuộc quyền sở hữu của chị Đỗ Thị P, hiện tài sản chưa thu hồi được để trả lại cho chủ sở hữu, quá trình điều

tra và tại phiên tòa chị P yêu cầu bị cáo N bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô nêu trên theo kết luận định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền. Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị P là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 48 của BLHS và các Điều 584, 589 của BLDS cần chấp nhận và buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị P giá trị chiếc xe mô tô nói trên được tính thành tiền là 10.000.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Trong vụ án này, bị cáo Ngô Văn N khai nhận, sau khi trộm cắp được xe mô tô nêu trên đã bán cho một đối tượng tên là T (Bị cáo N không biết rõ tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ mà chỉ biết T nhà ở khu vực xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang). Qua xác minh tại địa bàn xã Q không có đối tượng nào có đặc điểm giống như bị cáo khai, điện thoại N sử dụng để gọi điện cho T đã bị mất, bản thân N không nhớ số điện thoại đã sử dụng và không nhớ số điện thoại của T nên cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý sau theo quy định pháp luật.

[8] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Ngô Văn N với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu một khoản án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Ngô Văn N 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31 tháng 5 năm 2019.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 của BLHS.

2. Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo Ngô Văn N với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06-9-2019).

3. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của BLHS; các Điều 584, 586, 589 của BLDS, buộc bị cáo Ngô Văn N phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Đỗ Thị P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Chị P), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bị cáo N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Ngô Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn